

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU DỊCH CHUYỂN TỶ TRỌNG ĐỂ ĐÁNH GIÁ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC YẾU TỐ ĐẾN TĂNG TRƯỞNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2020

ThS. Đỗ Thị Ngọc*

Tóm tắt:

Tăng trưởng năng suất lao động là một trong những mục tiêu quan trọng nhất của mỗi quốc gia vì đây là động lực chính tác động tới tăng trưởng kinh tế. Bài viết này sử dụng phương pháp phân tích đã được nhiều nhà nghiên cứu sử dụng, phương pháp phân tích dịch chuyển tỷ trọng (SSA) để nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu lao động trong mối liên hệ với tăng trưởng năng suất lao động tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong giai đoạn 2011-2020, tốc độ tăng NSLĐ đạt 5,25%/năm, trong đó tăng năng suất nội ngành chiếm 66% và chuyển dịch cơ cấu lao động chiếm 34% (hiệu ứng chuyển dịch tĩnh chiếm 34,4%; hiệu ứng chuyển dịch động chiếm -0,6%). Kết quả này cho thấy, tăng NSLĐ trong giai đoạn này chủ yếu là do đóng góp của tăng trưởng NSLĐ nội ngành. Trong đóng góp của chuyển dịch cơ cấu lao động, đóng góp của hiệu ứng chuyển dịch tĩnh vào tăng trưởng NSLĐ gấp nhiều lần so với hiệu ứng chuyển dịch động.

1. Tổng quan chung

Có nhiều phương pháp đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố tới tăng trưởng năng suất lao động được các nhà nghiên cứu trên thế giới và trong nước sử dụng. Okada, R (2019)

đã sử dụng mô hình dãy số thời gian để phân tích chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu vốn dẫn tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế và kéo theo đó là sự chuyển dịch năng suất lao động từ khu vực có mức năng suất thấp sang khu vực có mức năng suất cao hơn. Diekhoff (1992) đã sử dụng mô hình hồi quy bội để

* Vụ trưởng Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

nghiên cứu mối quan hệ giữa các biến phụ thuộc và biến độc lập, đồng thời xác định sự tương quan giữa các biến đưa vào mô hình hồi quy, cụ thể trong phân tích chuyển dịch cơ cấu vốn tác động tới tốc độ tăng năng suất lao động, ông đã xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính với biến độc lập là trình độ của lao động, tỷ trọng lao động trong các ngành kinh tế, tỷ trọng của các ngành kinh tế trong toàn nền kinh tế, tỷ trọng vốn đầu tư, tỷ trọng vốn FDI của từng ngành kinh tế; biến phụ thuộc là NSLĐ. Gyfason, T. (2004) đã lượng hóa ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành tới tăng trưởng của các nước trên thế giới thông qua việc xem xét sự thay đổi các ngành nông nghiệp và công nghiệp trong tổng sản phẩm trong nước, sự dịch chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị.

Để đánh giá tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến tăng trưởng kinh tế, Fabrican, S. (1942) đã xây dựng mô hình phân tích dịch chuyển tỷ trọng ngành, cho phép xác định ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến tăng trưởng kinh tế (gián tiếp thông qua tăng trưởng năng suất lao động). Tăng trưởng năng suất lao động của nền kinh tế do 2 yếu tố cấu thành: (1) tăng trưởng năng suất nội bộ ngành, nội bộ loại hình kinh tế và vùng lãnh thổ; (2) đóng góp của chuyển dịch cơ cấu nhờ di chuyển lao động giữa các ngành, các loại hình kinh tế và vùng lãnh thổ vào tốc độ tăng năng suất lao động chung.

Ở Việt Nam, có nhiều phương pháp được sử dụng để nghiên cứu tác động của các nhân tố tới năng suất lao động, trong đó phổ

biến là phương pháp nghiên cứu dịch chuyển tỷ trọng. Một số nghiên cứu đã sử dụng phương pháp SSA để đánh giá tác động của chuyển dịch tỷ trọng lao động, vốn tới tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động. Nguyễn Thị Tuệ Anh và các cộng sự (2007) đã sử dụng phương pháp dịch chuyển tỷ trọng để đánh giá đóng góp của các ngành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế vào tăng trưởng NSLĐ chung trong giai đoạn 1991-2006; Vũ Thị Thu Hương và Nguyễn Thị Minh (2015) đã phân tích tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động đến tăng trưởng năng suất lao động tại Việt Nam bằng phương pháp dịch chuyển tỷ trọng, xem xét đồng thời các tác động tĩnh và tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động theo 9 ngành kinh tế... Những nghiên cứu này đã cho thấy tăng trưởng năng suất lao động của Việt Nam trong thời gian qua chủ yếu do tác động của tăng năng suất nội bộ các nhóm ngành và sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ nhóm ngành có NSLĐ thấp sang nhóm ngành có NSLĐ cao hơn.

2. Phương pháp và kết quả tính toán

Để đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố tới tăng trưởng NSLĐ của Việt Nam giai đoạn 2011-2020, bài viết này sử dụng phương pháp dịch chuyển tỷ trọng (shift - share analysis) do Fabricant (1942) xây dựng nhằm lượng hóa đóng góp của chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành đến tốc độ tăng NSLĐ Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

Gọi $\Delta P_{it}/P_{it-1}$ là tốc độ tăng năng suất lao động thời kỳ t so với thời kỳ $t-1$, ta có:

$$\Delta P_{it}/P_{it-1} = \sum \Delta P_{it}/P_{it-1} * G_{it-1} + \sum \Delta P_{it-1}/P_{t-1} * (L_{it} - L_{it-1}) + \sum 1/P_{t-1} * \Delta P_{it} * \Delta L_{it}$$

(1) (2) (3)

Trong đó: P là năng suất lao động, Gi là tỷ trọng giá trị tăng thêm của khu vực kinh tế i, Li là tỷ trọng lao động của khu vực i trong nền kinh tế.

Thành phần thứ nhất (1) là hiệu ứng nội ngành được tính bằng tỷ lệ tăng trưởng năng suất nội ngành với quyền số là tỷ trọng giá trị tăng thêm của khu vực kinh tế đó. Các tỷ trọng đầu ra Gi của khu vực được tính bằng giá trị tăng thêm của khu vực kinh tế trên GDP. Hiệu ứng nội sinh phản ánh năng suất lao động được cải thiện trong điều kiện không có sự chuyển dịch cơ cấu lao động, quy mô lao động làm việc tại mỗi ngành trong nền kinh tế là không đổi trong thời kỳ nghiên cứu. Nói cách khác, hiệu ứng nội sinh là kết quả của việc đổi mới, ứng dụng tiến bộ công nghệ, nâng cao trình độ lao động và các yếu tố về thể chế.

Thành phần thứ hai (2) là hiệu ứng dịch chuyển tĩnh được tính bằng tỷ lệ thay đổi của lực lượng lao động với quyền số là tỷ trọng năng suất lao động của từng khu vực kinh tế so với năng suất lao động của cả nước.

Thành phần thứ ba (3) là phần tương tác (hiệu ứng động) được đo lường bằng tích của biến động năng suất và biến động lao động theo quyền số của năng suất lao động kỳ trước đó.

Hiệu ứng chuyển dịch tĩnh được tạo ra do sự di chuyển lao động từ ngành có mức NSLĐ thấp hơn sang ngành có mức NSLĐ cao hơn,

đây là một chỉ báo thể hiện cho quá trình mở rộng nền kinh tế theo chiều rộng. Trong khi đó, hiệu ứng chuyển dịch động được tạo ra bởi sự di chuyển lao động từ ngành có tốc độ tăng NSLĐ thấp sang ngành có tốc độ tăng NSLĐ cao. Nói cách khác, hiệu ứng chuyển dịch động được tạo ra khi một ngành vừa tăng nhanh được NSLĐ, vừa tăng được tỷ trọng lao động trong ngành. Hiệu ứng động thường mang dấu âm, thành phần này chỉ dương khi tăng trưởng năng suất của các khu vực kinh tế diễn ra cùng thời điểm với việc thu hút thêm các nguồn lực.

Trong giai đoạn vừa qua, chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các khu vực kinh tế đã có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng NSLĐ nhưng có sự biến động khác nhau trong mỗi giai đoạn. Trong giai đoạn 2011-2015, năng suất lao động của toàn nền kinh tế tăng 4,53%/năm, trong đó hiệu ứng tăng NSLĐ nội ngành đóng góp 72,5%; hiệu ứng do dịch chuyển cơ cấu lao động chỉ đóng góp 27,5% (phù hợp với quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và cơ cấu vốn đầu tư trong 3 khu vực kinh tế trong giai đoạn này). Điều này cũng phù hợp với quy luật phát triển của các nền kinh tế trong giai đoạn chuyển đổi, tăng NSLĐ sẽ ngày càng phụ thuộc vào tăng NSLĐ nội ngành. Do đó, động lực chính thúc đẩy tăng trưởng NSLĐ của nền kinh tế giai đoạn này là nhờ sự gia tăng NSLĐ nội ngành của các khu vực kinh tế.

**Phân rã tăng trưởng năng suất lao động theo nội ngành
và tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động (%)**

	Tốc độ tăng NSLĐ	Đóng góp của tăng trưởng NSLĐ nội ngành	Đóng góp thuần	Trong đó:	
				Chuyển dịch cơ cấu tỉnh	Chuyển dịch cơ cấu động
2011	3,42	3,28	0,14	0,16	-0,02
2012	3,17	2,10	1,07	1,08	-0,01
2013	3,91	3,06	0,85	0,83	0,02
2014	5,37	4,55	0,82	0,79	0,03
2015	6,83	3,45	3,38	3,34	0,04
2016	6,22	3,70	2,52	2,63	-0,11
2017	6,22	4,28	1,94	1,89	0,05
2018	6,06	3,48	2,58	2,57	0,01
2019	6,41	3,16	3,25	3,46	-0,21
2020	4,96	3,60	1,36	1,35	0,01
Bình quân 2011-2020	5,25	3,46	1,79	1,81	-0,02

Nguồn: Tính toán của tác giả

Giai đoạn 2016-2020, năng suất lao động tăng 5,97%/năm, trong đó hiệu ứng chuyển dịch cơ cấu lao động đã phát huy hiệu quả, đóng góp nhiều hơn giai đoạn trước vào tốc độ tăng năng suất lao động chung của toàn nền kinh tế (39,04%); đồng thời hiệu ứng tăng NSLĐ nội ngành tiếp tục đóng vai trò quyết định đến tăng trưởng NSLĐ nhưng mức đóng góp đã giảm so với giai đoạn trước (60,96%). Điều này cho thấy tăng trưởng NSLĐ của nền kinh tế giai đoạn này có đóng góp của quá trình chuyển dịch lao động từ các ngành có NSLĐ thấp

sang các ngành có NSLĐ cao. Đây là thời kỳ các ngành công nghiệp và dịch vụ có NSLĐ cao hơn đã thu hút được nhiều lao động, nhờ đó đã làm tăng nhanh tỷ trọng lao động khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực dịch vụ. Sự thay đổi chính sách phát triển ngành, lĩnh vực trong giai đoạn 2016-2020 mà trọng tâm là tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh theo hướng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh sản xuất, phát triển dịch vụ... đã tác động mạnh làm tăng NSLĐ nội ngành của các lĩnh

vực, là nền tảng để tăng NSLĐ của toàn nền kinh tế.

Từ bảng số liệu phân rã NSLĐ theo nội ngành và tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động cho thấy, bình quân giai đoạn 2011-2020, tốc độ tăng NSLĐ đạt 5,25%/năm, trong đó tăng năng suất nội ngành chiếm 66% (tương đương với mức đóng góp 3,46% vào tốc độ tăng năng suất lao động chung) và chuyển dịch cơ cấu lao động chiếm 34% (hiệu ứng chuyển dịch tĩnh chiếm 34,4%, tương đương với mức đóng góp 1,81%); hiệu ứng chuyển dịch động chiếm -0,6%, làm giảm 0,02%). Kết quả này cho thấy, tăng NSLĐ trong giai đoạn này chủ yếu là do đóng góp của tăng trưởng NSLĐ nội ngành. Trong đóng góp của chuyển dịch cơ cấu lao động, đóng góp của hiệu ứng chuyển dịch tĩnh vào tăng trưởng NSLĐ gấp nhiều lần so với hiệu ứng chuyển dịch động. Như vậy, đóng góp của chuyển dịch cơ cấu lao động vào tăng trưởng NSLĐ là do di chuyển lao động và nguồn lực từ ngành có mức NSLĐ thấp sang những ngành có mức NSLĐ cao hơn.

Hiệu ứng chuyển dịch động có giá trị rất nhỏ và có những năm mang dấu âm, nghĩa là lao động di chuyển từ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có NSLĐ thấp sang khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực dịch vụ có NSLĐ cao hơn gần như không đóng góp, thậm chí làm giảm tăng trưởng NSLĐ của hai khu vực này. Cấu phần động đã làm giảm nhịp tăng trưởng NSLĐ toàn nền kinh tế từ 0,01% đến 0,21%.

Nguyên nhân là do lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản phần lớn chưa được qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật (trình độ lao động đã qua đào tạo, có bằng, chứng chỉ năm 2020 của khu vực này chỉ đạt 4,6%, tăng 1,9 điểm phần trăm so với năm 2011), chủ yếu chuyển sang những ngành công nghiệp hoặc ngành dịch vụ có NSLĐ thấp, thu nhập thấp nên tác động không làm cải thiện NSLĐ cho những ngành này. Trong khi đó, hiệu ứng chuyển dịch tĩnh đều mang dấu dương trong cả giai đoạn 2011-2020, cho thấy đóng góp của chuyển dịch cơ cấu lao động vào tốc độ tăng NSLĐ chủ yếu nhờ di chuyển lao động từ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có NSLĐ thấp sang các ngành công nghiệp (mà cụ thể là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo) và ngành dịch vụ (cụ thể là ngành bán buôn, bán lẻ) có NSLĐ cao hơn.

3. Đề xuất một số giải pháp

Từ kết quả nghiên cứu trên, bài viết đề xuất một số giải pháp, chính sách để tận dụng chuyển dịch cơ cấu trong các ngành kinh tế, đóng góp tích cực vào tăng trưởng năng suất lao động của cả nước. Cụ thể là một số giải pháp sau:

(1) Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Trong giai đoạn 2011 - 2020, nền kinh tế đã có sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định như chuyển dịch cơ cấu nội ngành chưa rõ nét, chưa bền vững. Do đó, nhận thức rõ hơn về ý nghĩa, tầm quan trọng của quá

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

trình tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng là giải pháp quan trọng. Đây là chủ trương đổi mới toàn diện nên cần xác định trọng tâm ưu tiên với lộ trình cụ thể theo hướng quyết liệt, hiệu quả và thực chất để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nền kinh tế.

(2) Cần có chính sách phân bổ hợp lý các yếu tố sản xuất đầu vào để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo tính hiệu quả và tăng cường đóng góp của việc chuyển dịch các yếu tố vốn, lao động trong các ngành kinh tế tới tăng trưởng năng suất lao động chung của toàn nền kinh tế.

(3) Xây dựng chính sách phát triển ngành kinh tế năng động, ưu tiên lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và chuỗi giá trị để trở thành động lực tăng trưởng của nền kinh tế, góp phần nâng cao năng suất lao động. Trong đó, xây dựng các chính sách thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội ngành theo hướng nâng cao giá trị, dựa trên lợi thế so sánh của từng ngành, từng vùng, miền...

(4) Tăng cường chính sách hỗ trợ lao động chuyển dịch từ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản sang các ngành kinh tế khác như chế biến chế tạo, thương mại, dịch vụ ... thông qua các hình thức như xây dựng các kế hoạch đào tạo để lao động có đủ trình độ chuyên môn có thể đáp ứng yêu cầu của công việc mới; hỗ trợ vốn tạo điều kiện cho lao động nông thôn chuyển đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh với năng suất lao động cao hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Ấn phẩm "*Productivity improvement and the role of trade unions*" của ILO xuất bản năm 2015.

2. Fabricant, S. (1942), "*Employment in manufacturing 1899-1939*", National Bureau of Economic Research, New York.

3. Gyfason, T. (2004), "*The road from Agriculture*", CESifo Venice Summer Institute workshop on Institutional and Growth.

4. Okada, R. (2004), "*Time series to analyze capital and labour transition affecting economic growth rate and labour productivity*", 2004.

5. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 89/2015/QH13.

6. Nguyễn Thị Tuệ Anh (2007), "*Đánh giá đóng góp của các ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành tới tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam*", Đề tài Khoa học cấp Bộ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

7. PGS, TS. Tăng Văn Khiên, "*Nghiên cứu và áp dụng các chỉ tiêu thống kê năng suất lao động*", Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê, Tổng cục Thống kê, 1998.

8. Vũ Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Minh (2015), "*Tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động đến tăng trưởng năng suất lao động tại Việt Nam*", Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn 2015.